TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DS-PT
Ngày: 17-6-2022
V/v *tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại giá trị tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên.
Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung.
Ông Đặng Văn Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mộng Tiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLPT-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2022, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại giá trị tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn V, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn V: Bà Trần Thị Đ1**,** Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1948 (có mặt).

2. Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1974 (có mặt).

3. Bà Đặng Thanh L, sinh năm 1974 (có mặt).

4. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1975 (vắng mặt).

5. Bà Lê Thị Thanh Tuyết N2, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

6. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh; Trụ sở tại: khóm 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Vào ngày 25/01/2015, ông cùng vợ là bà Đặng Thanh L có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cha là ông Lê Văn V và mẹ là bà Hoàng Thị M diện tích 6.330m^2, thửa 108, tờ bản đồ 8, loại đất trồng lúa và 01 liếp đất ở phía ngoài có 02 hàng dừa tính từ cặp mí ruộng tới bờ kênh, chiều dài 21,5m và chiều ngang 7,5m bao gồm 01 bờ kênh nước để dẫn nước vào ruộng, đất tọa lạc tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh, có làm giấy tay (Bút lục số 47). Ngày 17/4/2015, ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với liếp đất ở phía ngoài là thuộc thửa 1468, tờ bản đố số 38, diện tích đất 102,l m^2, đất trồng cây lâu năm, trong diện tích đất này ông thống nhất không bao gồm phần kênh nước. Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 02 thửa đất nêu trên là 500.000.000 đồng, ông đã đưa đủ tiền cho ông V, bà M. Sau đó ông V, bà M làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông, theo thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất vào ngày 25/4/2015 đúng theo quy định của pháp luật tổng diện tích 02 thửa là 6.432,l m^2. Ngày 22/5/2015, ông Lê Văn Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng với 02 thửa đất nêu trên, vợ chồng ông nhận phần diện tích đất canh tác ngay từ thời điểm nhận chuyển nhượng. Trên phần diện tích đất tại thửa 1468 đã có sẵn 07 cây dừa, từ 07 đến 25 năm tuổi đang cho trái do ông V trồng, ông có trồng thêm 05 cây dừa từ 01 đến 02 năm tuổi và chuối. Vào tháng 5/2019, ông đã cưa bỏ 02 cây dừa từ 07 đến 25 năm tuổi do ông V trồng, hiện tại còn lại 05 cây. Ông thu hoạch dừa từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2019 thì ngưng không thu hoạch nữa, ông V thu hoạch dừa từ tháng 6/2019 cho đến nay và sử dụng luôn phần diện tích đất tại thửa 1468. Ông có yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc ông Lê Văn V có trách nhiệm trả lại cho ông giá trị thiệt hại là 6.250.000 đồng (Giá trị của 05 cây dừa 10 năm tuổi; 05 cây dừa 04 năm tuổi; 05 bụi chuối).

Nay, ông yêu cầu ông Lê Văn V trả lại cho ông phần diện tích đất là 102,l m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh cho vợ chồng ông sử dụng và yêu cầu ông V trả huê lợi của 05 cây dừa (07 năm đến 25 năm tuổi) mỗi tháng là 2,5 chục dừa x 50.000 đồng/tháng từ tháng 6/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án với giá dừa

ở địa phương là trên 60.000 đồng/chục. Đối với yêu cầu phản tố của ông V thì ông không đồng ý. Ông thống nhất giá đất đã định ngày 18/12/2019 là 70.000 đồng/m^2, về giá cây trái hoa màu, tài sản trên đất thống nhất theo giá đã định tại biên bản định giá ngày 18/12/2019.

Bị đơn ông Lê Văn V trình bày: Ông thừa nhận ông và vợ bà Hoàng Thị M có chuyển nhượng đất cho con ruột là ông Lê Văn Đ và bà Đặng Thanh L với diện tích 6.330m^2, thửa 108, tờ bản đồ 8, loại đất trồng lúa, đất tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh với giá 500.000.000 đồng, vợ chồng ông đã nhận đủ tiền. Đối với phần diện tích đất đang tranh chấp 102,l m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh được cấp cho hộ nhưng là tài sản của vợ chồng ông, ông không có chuyển nhượng diện tích đất này. Tờ sang nhượng đất lập ngày 25/01/2015, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 25/04/2015, ông hoàn toàn không có ký tên, lăn tay nhưng ông Đ lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1468 và đòi ông giao trả lại đất thì ông không đồng ý. Ông thừa nhận từ năm 2015 đến tháng 5/2019, ông Đ có sử dụng đất tại thửa 1468 và có thu hoạch dừa đối với 07 cây dừa từ 07 đến 25 năm tuổi có trên đất tranh chấp, dừa do ông trồng. Khi ông Đ sử dụng đất, thu hoạch dừa ông không phản đối, ngăn cản vì tình nghĩa cha con và ông nghĩ rằng sau này diện tích đất tại thửa 1468 cũng sẽ cho con ông Đ. Nay phát sinh tranh chấp ông không có yêu cầu gì đối với số dừa mà anh Đ đã thu huê lợi từ năm 2015 đến tháng 5/2019. Ông thừa nhận từ tháng 06/2019 cho đến nay ông có bẻ dừa và lấy lại đất để sử dụng nhưng 05 cây dừa mỗi tháng chỉ được 15 trái dừa chứ không được 30 trái dừa như Đ trình bày, giá dừa lúc tăng lúc giảm không ổn định.

Nay, ông yêu cầu hủy 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 25/4/2015 đối với diện tích đất 102,l m^2, thuộc tờ bản đồ số 38, thửa đất số 1468, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh giữa ông, bà Hoàng Thị M với ông Lê Văn Đ và công nhận đất này là của ông và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho ông Lê Văn Đ vào ngày 22/5/2015. Ông yêu cầu ông Đ trả cho ông giá trị của 02 cây dừa 07 đến 25 năm tuổi mà anh Đ đã cưa bằng 2.440.000 đồng (Giá trị mỗi cây là 1.220.000 đồng). Ông rút lại yêu cầu phản tố về việc buộc ông Đ trả giá trị dừa của 05 cây dừa từ tháng 6/2019 đến tháng 5/2020 bằng 2.640.000 đồng (03 chục dừa với giá 240.000 đồng/tháng X 11 tháng) và tiền thu hoạch dừa tiếp theo. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì ông không đồng ý. Ông thống nhất giá đất đã định ngày 18/12/2019 là 70.000 đồng/m^2, về giá cây trái hoa màu, tài sản trên đất thống nhất theo giá đã định tại biên bản định giá ngày 18/12/2019.

Tại Công văn số: 1532/UBND-NC, ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến: Đối với tranh chấp giữa ông Lê Văn Đ và ông Lê Văn V thì Ủy ban nhân dân huyện C không có ý kiến. Riêng việc ông Lê Văn V yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho anh Lê Văn Đ đối với diện tích đất 102,l m^2, thuộc tờ bản đồ số 38, thửa đất số 1468, loại đất

trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh thì Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thanh L trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn Đ, bà có ý kiến yêu cầu giống như ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn V, lời trình bày của con trai bà là ông Lê Văn Đ là hoàn toàn đúng vì vợ chồng bà đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích 6.330m^2, thửa 108, tờ bản đồ 8, loại đất trồng lúa và diện tích đất 102,l m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm, đất tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh cho ông Đ, bà L với giá 500.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền nên đất thuộc quyền sử dụng của ông Đ, bà L. Chữ ký tại tờ sang nhượng ngày 25/01/2015 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/04/2015 là chữ ký của vợ chồng bà. Nay ông Lê Văn Đ và ông V xảy ra tranh chấp, bà không có yêu cầu gì và có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ1, bà Trần Thị N1 và bà Lê Thị Thanh Tuyết N2 trình bày: Ông Đ1 là con ruột ông V, bà M và bà N1 là vợ của anh Đ1, Tuyết N2 là con của anh Đ1 và là thành viên trong hộ của ông V và bà M nhưng diện tích đất 102,l m^2, thuộc tờ bản đồ số 38, thửa đất số 1468, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh do ông Lê Văn V đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất nhưng đất đó là của ông V, bà M. Ông Đ1, bà N1, bà N2 không có phần trong diện tích đất này và không tranh chấp để ông V, bà M giải quyết với ông Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc buộc ông Lê Văn V trả lại diện tích đất tại thửa 1468.

Buộc ông Lê Văn V trả lại diện tích đất 102,1m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất cây lâu năm, đất tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh cho ông Lê Văn Đ, bà Đặng Thanh L sử dụng có tứ cận như sau:

- Hướng đông: Giáp kênh nước có số đo 22.49m;
- Hướng tây: Giáp thửa 440 có số đo 22.98m;
- Hướng nam: Giáp bờ kênh có số đo 4.50m;
- Hướng bắc: Giáp thửa 419 có số đo 4.50m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất ngày 06/02/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Buộc ông Lê Văn V có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Đ, bà Đặng Thanh L giá trị dừa bằng 4.000.000 đồng (32 tháng x 2,5 chục dừa/tháng x giá 50.000 đồng/chục dừa).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên

được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Văn V về việc yêu cầu:

- Công nhận diện tích đất 102,1m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất cây lâu năm, đất tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

- Yêu cầu hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất diện tích đất 102,1m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất cây lâu năm, đất tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh ngày 25/4/2015 giữa ông V với ông Đ.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Lê Văn Đ tại thửa 1468, yêu cầu ông Đ trả giá trị 02 cây dừa đã cưa là 2.440.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường của anh Lê Văn Đ về yêu cầu ông V trả giá trị thiệt hại tài sản là 6.250.000 đồng (Giá trị của 05 cây dừa 10 năm tuổi; 05 cây dừa 04 năm tuổi; 05 bụi chuối).

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Lê Văn V về việc buộc anh Đ trả lại giá trị thu hoạch dừa mỗi tháng từ tháng 6/2019 đến khi giải quyết xong vụ án là 03 chục dừa/05 cây dừa với giá 240.000 đồng/tháng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/3/2022 bị đơn ông Lê Văn V kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh. Ông Lê Văn V yêu cầu hủy 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 25/4/2015 đối với diện tích đất 102,1m^2, thửa đất số 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh giữa ông Lê Văn V, bà Hoàng Thị M, ông Lê Văn Đ, bà Đặng Thanh L. Công nhận phần diện tích đất cho ông Lê Văn V và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn Đ vào ngày 22/5/2015. Ông Lê Văn V không đồng ý chịu chi phí thẩm định, định giá và giám định yêu cầu ông Lê Văn Đ phải chịu toàn bộ chi phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn V trình bày: Ông Lê Văn V thừa nhận ông V cùng vợ bà M có chuyển nhượng cho vợ ông Đ, bà L diện tích 6.330m^2, thửa 108, tờ bản đồ 8, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh với giá 500.000.000 đồng đã nhận đủ tiền và giao đất sử dụng. Riêng phần đất diện tích 102,1m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm ông Viễn không có chuyển nhượng cho ông Đ, bà L nên ý chí của ông V không chuyển nhượng và không thừa nhận việc này. Sau khi chuyển nhượng thửa đất số 108 các thủ tục tách thửa để làm thủ tục sang tên cho ông Đ do phía ông Đ thực hiện các thủ tục. Ông V là người cao tuổi, trí nhớ đôi lúc không

được minh mẫn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vào ngày 25/01/2015 vợ chồng ông Đ có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn V, bà Hoàng Thị M diện tích 6.330m^2 và 01 liếp có 2 hàng dừa từ mí ruộng tới bờ kinh chiều ngang 7.5m dài 21.5m với giá 500.000.000 đồng, ông V, bà M thừa nhận đã nhận đủ tiền. Đến ngày 25/4/2015, ông V, bà M đã làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông Đ và Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên cho ông Đ. Như vậy, ông V chuyển nhượng và tách thửa 01 liếp dừa với diện tích 102,1m^2 và lập hợp đồng sang tên cho ông Đ là có căn cứ để buộc ông V, bà M trả lại đất cho ông Đ. Kết luận giám định chữ ký, dấu vân tay trong trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/4/2015 và tờ sang nhượng đất ngày 25/01/2015 là chữ ký, dấu vân tay của ông V. Ngoài ra, việc ông V có chuyển nhượng diện tích đất thửa 1468 cho ông Đ, bà L cũng được bà M vợ ông V thừa nhận và bà M trình bày chữ ký, dấu vân tay trong tờ sang nhượng ngày 25/01/2015, hợp đồng tặng cho ngày 25/4/2015 là chữ ký của ông, bà. Chứng cứ nêu trên được xem là chứng cứ quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Lê Văn V cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 25/4/2015 được ký tại nhà ông V và tất cả thủ tục tách thửa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ tự làm là không hợp pháp, nhưng đây là ý chí của ông V, nên vẫn có giá trị pháp lý. Việc ông V cho rằng không có chuyển nhượng thửa 1468 cho ông Đ nhưng ông Đ sử dụng đất từ năm 2015 đến năm 2019 ông V không tranh chấp hay phản đối coi như ông đã thừa nhận đã chuyển nhượng và giao thửa 1468 cho ông Đ sử dụng. Ông Đ được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông V phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá theo Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với chi phí giám định thì ông V phản đối và yêu cầu giám định, kết quả giám định xác định chữ ký, dấu vân tay là của ông V nên ông phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, kháng cáo của ông V là không có căn cứ, án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hồi đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ủy ban nhân dân huyện C, bà Trần Thị N1 và bà Lê Thị Thanh Tuyết N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng đại diện Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xét xử vắng mặt, bà Trần Thị N1 và bà Lê Thị Thanh Tuyết N2 vắng mặt không có lý do nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và đòi lại giá trị tài sản. Bị đơn có yêu cầu phản tố hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại giá trị tài sản. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và đòi lại giá trị tài sản" là không đầy đủ nên xác định lại quan hệ "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại giá trị tài sản".

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn V yêu cầu hủy 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 25/4/2015 đối với diện tích 102,1m^2, thửa đất số 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh giữa ông Lê Văn V, bà Hoàng Thị M, ông Lê Văn Đ, bà Đặng Thanh L và công nhận phần diện tích đất cho ông Lê Văn V.

Vào ngày 25/01/2015, ông Lê Văn Đ, bà Đặng Thanh L có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn V, bà Hoàng Thị M diện tích 6.330m^2, thửa 108, tờ bản đồ 8, loại đất trồng lúa và diện tích đất 102,1m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm, đất tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh với giá 500.000.000 đồng, bên chuyển nhượng đã nhận đủ tiền, giao đất và bên nhận chuyển nhượng đã giao đủ tiền, nhận đất để sử dụng. Việc chuyển nhượng này có lập giấy tay. Tại giấy tay tờ sang nhượng đất lập ngày 25/01/2015 (bút lục số 47) thể hiện có thỏa thuận chuyển nhượng diện tích 6.330m^2 và 01 liếp có hai hàng dừa từ mí ruộng tới bờ kinh có chiều ngang 7,5m, chiều dài 21,5m. Đến ngày 25/4/2015 ông V, bà M đã làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông Đ nhưng với hình thức hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để được giảm thuế. Thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực, thực hiện đúng trình tự của pháp luật. Ngày 22/5/2015 ông Lê Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 108, 1468. Quá trình giải quyết vụ án cho thấy lời khai của vợ ông V là bà Hoàng Thị M, các con của ông V, bà M và kết quả xác minh những người làm chứng, chứng kiến sự việc chuyển nhượng đất đã xác định ông V đã chuyển nhượng cho ông Đ, bà L thửa 108 và thửa 1468 (bút lục số 53 - 56). Ông V thừa nhận có chuyển nhượng diện tích 6.330m^2 cho ông Đ, bà L với giá 500.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền của vợ chồng ông Đ, ông đã giao đất cho ông Đ canh tác. Ông Viễn thừa nhận từ năm 2015 đến tháng 5/2019, đất và dừa có trên đất thuộc thửa 1468 do ông Đ sử dụng và hưởng huê lợi từ tài sản có trên đất nhưng ông không ngăn cản và không tranh chấp. Bà M vợ ông V thừa nhận chữ ký, dấu vân tay trong tờ sang nhượng ngày 25/01/2015, hợp đồng tặng cho ngày 25/4/2015 là chữ ký của bà và ông V ký tên, lăn tay. Tại kết luận giám định số:

307/KL-GĐ, ngày 11/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh (BL 95); Kết luận giám định số: 2251/CO9B, ngày 04/6/2021 (Bút lục số 289) và kết luận giám định số: 2251/1-CO9B, ngày 15/6/2021 (bút lục số 296) của phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận chữ ký, dấu vân tay trong trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/4/2015 và tờ sang nhượng đất ngày 25/01/2015 là do ông V ký và in ra. Từ những phân tích trên, ông V cho rằng ông không chuyển nhượng thửa 1468, không thừa nhận chữ ký trong tờ sang nhượng ngày 25/01/2015 và chữ ký, dấu lăn tay trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/4/2015 nên ông yêu cầu hủy 01 phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập ngày 25/4/2015, công nhận đất cho ông là không có cơ sở để chấp nhận. Ông Đ, bà L có nhận chuyển nhượng thửa đất 1468 của ông V, bà M và các bên đã làm thủ tục dưới hình thức tặng cho quyền sử dụng đúng theo quy định tại các 457, 459, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của Đ, bà L về việc yêu cầu ông Viễn giao trả thửa đất số 1468 là có căn cứ để chập nhận.

[4] Xét ông Lê Văn Đ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn Đ vào ngày 22/5/2015

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 722934 ngày 17/4/2015 cấp cho hộ ông Lê Văn V đối với thửa đất số 1468, diện tích đất 102,1m^2, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm, đất tại ấp I, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Tại công văn số 1021/UBND-NC ngày 01/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C (bút lục số 139) không xác định được thành viên hộ gia đình của ông Lê Văn V tại thời điểm cấp giấy. Công văn số 66/CAH ngày 07/9/2020 của Công an huyện C xác nhận ông Lê Văn V và bà Hoàng Thị M nhập khẩu tại hộ của ông Lê Văn Đ1 vào ngày 06/9/2011 thành viên hộ khẩu gồm có ông Lê Văn V, bà Hoàng Thị M, ông Lê Văn Đ1, bà Trần Thị N1 và bà Lê Thị Tuyết N2. Ông V, bà M cho rằng đất tranh chấp là tài sản chung của vợ, chồng và được các con thừa nhận nên không tranh chấp về tài sản hộ gia đình. Ông V cũng chỉ tranh chấp với ông Đ một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1468. Ông V là người đủ năng lực hành vi dân sự, ông nhận thức được toàn bộ hành vi của mình, ông ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 25/4/2015 và tờ sang nhượng đất lập ngày 25/01/2015, kết luận giám định chữ ký, chữ viết là của ông Đnên việc ông Đ chuyển nhượng thửa đất số 1468 là có thật. Tại công văn số 38/UBND, ngày 16/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, xác nhận về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất xác lập vào ngày 25/4/2015 giữa ông V, bà M, ông Đ là đúng sự thật. Công văn số 1753/UBND-NC ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân huyện C xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 1468 cho ông Lê Văn Đ đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất theo quy định. Do đó, ông V yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Văn Đ vào ngày 22/5/2015 là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, ông V, bà M, ông Đ, bà L, ông Đ1 khai rằng tại

thời điểm ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 25/4/2015 và tờ sang nhượng đất lập ngày 25/01/2015 thì ông V bình thường, tin thần của ông V ổn định, ông V tham dự phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử thấy rằng ông V biết rõ diễn biến phiên tòa và nội dung vụ án, ông V đủ minh mẫn và năng lực hành vi dân sự. Việc làm thủ tục tách thửa sang tên cho ông Đ thì ông V biết và đồng ý. Do đó, việc người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng ông là người cao tuổi có lúc tin thần không minh mẫn và ý chí ông V không có chuyển nhượng thửa đất số 1468 tại thời điểm chuyển nhượng, các thủ tục do ông Đ thực hiện thể hiện ông V không có chuyển nhượng thửa đất số 1468 là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Ông Lê Văn V không đồng ý chịu chi phí thẩm định, định giá và giám định là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, ông V không đồng ý với kết quả giám định nên ông V có yêu cầu giám định lại và kết quả giám định chữ ký, dấu vân tay là của ông V. Ông Đ được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông V nên cấp sơ thẩm buộc ông V phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá và giám định theo Điều 157, 161, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[7] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận; ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn V là người cao tuổi, có làm đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Ông Lê Văn V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc buộc ông Lê Văn V trả lại diện tích đất tại thửa 1468.

Buộc ông Lê Văn V trả lại diện tích đất 102,1m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho ông Lê Văn Đ, bà Đặng Thanh L sử dụng có tứ cận như sau:

- Hướng đông: Giáp kênh nước có số đo 22.49m;
- Hướng tây: Giáp thửa 440 có số đo 22.98m;
- Hướng nam: Giáp bờ kênh có số đo 4.50m;

- Hướng bắc: Giáp thửa 419 có số đo 4.50m.

(Kèm theo sơ đồ khu đất số 59/CNHTC ngày 06/02/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiểu Cần).

Buộc ông Lê Văn V có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Đ, bà Đặng Thanh L giá trị dừa bằng 4.000.000 đồng (32 tháng x 2,5 chục dừa/tháng x giá 50.000 đồng/chục dừa).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Lê Văn V về việc yêu cầu: Công nhận diện tích đất 102,1m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất cây lâu năm, đất tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Yêu cầu hủy hợp đồng tặng quyền sử dụng đất diện tích đất 102,1m^2, thuộc thửa 1468, tờ bản đồ số 38, loại đất cây lâu năm, đất tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 25/4/2015 giữa ông V với anh Đ; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn Đ tại thửa số 1468, yêu cầu ông Đ trả giá trị 02 cây dừa đã cưa là 2.440.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường của ông Lê Văn Đ về yêu cầu ông V trả giá trị thiệt hại tài sản là 6.250.000 đồng (Giá trị của 05 cây dừa 10 năm tuổi; 05 cây dừa 04 năm tuổi; 05 bụi chuối).

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Lê Văn V về việc buộc ông Đ trả lại giá trị thu hoạch dừa mỗi tháng từ tháng 6/2019 đến khi giải quyết xong vụ án là 03 chục dừa/05 cây dừa với giá 240.000 đồng/tháng.

Về chi phí đo đạc, chi phí định giá 3.771.761 đồng: Buộc bị đơn ông Lê Văn V phải chịu toàn bộ 3.771. 761 đồng. Do nguyên đơn ông Lê Văn Đ đã nộp tạm ứng trước nên ông Lê Văn V phải nộp số tiền 3.771. 761 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C để hoàn trả cho ông Lê Văn Đ.

Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, dấu vân tay tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh là 2.630.000 đồng: Buộc ông Lê Văn V phải chịu. Do nguyên đơn ông Lê Văn Đ đã nộp tạm ứng trước nên ông Lê Văn V phải nộp số tiền 2.630.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C để hoàn trả cho ông Lê Văn Đ.

Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, dấu vân tay tại Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an là 800.000 đồng: Buộc Ông Lê Văn V phải chịu toàn bộ, số tiền này ông đã nộp và chi xong.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn V.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tống Văn Viên